

Số: 1131/QĐ-UBND

Chơn Thành, ngày 11 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước (phường Chơn Thành - đợt 08)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHƠN THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Công văn số 1019/TTg-KTN ngày 03/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước vào quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp của cả nước;

Căn cứ Công văn số 2162/TTg-KTN ngày 26/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bình Phước;



Căn cứ Công văn số 2615/QHPTTND-PTTĐ ngày 13/12/2024 của Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất về việc trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ về thủ tục đất đai đối với Dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt quy hoạch chung Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh phê duyệt phương án chung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án: Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước (giai đoạn 1: 4.500 ha); Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh mục 3, phần VI phương án chung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước (giai đoạn 1: 4.500ha) kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc quy định hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân và hạn mức giao đất ở cho cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 2027/UBND-SX ngày 09/7/2008 của UBND tỉnh về việc thuận chủ trương thu hồi đất thực hiện dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ - UBND ngày 27/01/2021 của UBND huyện Chơn Thành về việc phê duyệt Phương án bố trí tái định cư Dự án Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của Thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 920/SGTVT-HTGT ngày 08/10/2020 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước về việc ý kiến đối với hành lang lộ giới đường Hồ Chí Minh đoạn qua dự án Khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 88/UBND-KTNS ngày 03/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư công sau khi tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp tỉnh Đồng Nai được hình thành;

Căn cứ Công văn số 1084/UBND-KT ngày 13/3/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giải quyết các vướng mắc, khó khăn thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 1951/UBND-KTNS ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của 2 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ) sau khi sáp nhập;

Căn cứ Công văn số 4053/UBND-KTNS ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng các quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại nhà, công trình xây dựng và giá bồi thường tài sản vật kiến trúc của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ) sau khi sáp nhập;



Căn cứ Công văn số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai về việc chuyển đổi sổ tờ bản đồ địa chính các xã phường thuộc tỉnh Đồng Nai phục vụ công cho công tác sáp nhập theo Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15;

Căn cứ Công văn số 1271/UBND-KTNS ngày 21/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng bảng giá đất kể từ ngày 01/7/2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 1346/SoNNMT-ĐĐ ngày 25/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật sau khi sáp nhập tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 13/5/2025 của UBND thị xã Chơn Thành về kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước (Đối với phần diện tích đất chưa được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai ngày 18/01/2024);

Căn cứ Thông báo số 1996-TB/TU ngày 05/6/2025 của Thường trực Thị ủy tại phiên họp thứ 175 - Khóa XII, ngày 03/6/2025 về việc thống nhất thu hồi Kết luận số 143-KL/TU ngày 01/01/2023 của Thường trực thị ủy;

Căn cứ Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND thị xã Chơn Thành về việc phê duyệt mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex- Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND phường Chơn Thành về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ đối với dự án Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex-Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 409/UBND-KTN ngày 26/8/2025 của UBND phường Chơn Thành về việc thống nhất sử dụng phương án giá đất đã được Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thị xã Chơn Thành (cũ) thẩm định trước ngày Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ có hiệu lực;

Trên cơ sở Công văn số 638/P.NNMT ngày 27/6/2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường thị xã Chơn Thành (cũ) về việc thông báo kết quả xác định giá đất cụ thể để làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước thuộc phường Hưng Long và phường Thành Tâm; Công văn số 472/TTPTQĐ.CNCT ngày 10/10/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất - Chi nhánh Chơn Thành về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước tại khu phố Đồng Tâm, khu phố Mỹ Hưng, khu phố Hòa Vinh 1, khu phố Hòa Vinh 2, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (đợt 8 - diện tích 301.862,0m²);

Xét kiến nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 673/TTr-PKHTĐT ngày 10/10/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước (phường Chơn Thành - đợt 08), bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước tại địa bàn phường Chơn Thành theo quy định tại khoản 1, Điều 3, Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất *(Có phương án kèm theo)*.

2. Bảng tổng hợp chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

(Có Bảng tổng hợp chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi kèm theo).

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành, Chủ đầu tư (Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước) phổ biến, niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở UBND phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành có trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư (Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước) và các cơ quan có liên quan chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được phê duyệt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Văn phòng HĐND và UBND phường có trách nhiệm đăng tải Quyết định này lên Trang thông tin điện tử của UBND phường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Giám đốc Công ty Cổ phần phát triển Hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T. N. Minh*

Nơi nhận: *N*

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND phường;
- Lãnh đạo Văn phòng, CV: KT, CNTT;
- Công thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, CV. Nhân.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Tài



**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG CHƠN THÀNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN
BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP
VÀ DÂN CƯ BECAMEX – BÌNH PHƯỚC TẠI ĐỊA BÀN PHƯỜNG
CHƠN THÀNH (ĐỢT 08)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1131/QĐ-UBND ngày 11/10/2025
của UBND phường Chơn Thành)*

I. Căn cứ pháp lý:

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Công văn số 1019/TTg-KTN ngày 03/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước vào quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp của cả nước;

Công văn số 2162/TTg-KTN ngày 26/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bình Phước;

Công văn số 2615/QHPTTND-PTTĐ ngày 13/12/2024 của Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất về việc trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ về thủ tục đất đai đối với Dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước, tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt quy hoạch chung Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh phê duyệt phương án chung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án: Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước (giai đoạn 1: 4.500 ha); Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh mục 3, phần VI phương án chung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước (giai đoạn 1: 4.500ha) kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh;

Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024;

Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc quy định hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân và hạn mức giao đất ở cho cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh;

Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Công văn số 2027/UBND-SX ngày 09/7/2008 của UBND tỉnh về việc thuận chủ trương thu hồi đất thực hiện dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Quyết định số 577/QĐ - UBND ngày 27/01/2021 của UBND huyện Chơn Thành về việc phê duyệt Phương án bố trí tái định cư Dự án Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex Bình Phước;

Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của Thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Công văn số 920/SGTVT-HTGT ngày 08/10/2020 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước về việc ý kiến đối với hành lang lộ giới đường Hồ Chí Minh đoạn qua dự án Khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước;

Công văn số 88/UBND-KTNS ngày 03/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư công sau khi tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp tỉnh Đồng Nai được hình thành;

Công văn số 1084/UBND-KT ngày 13/3/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giải quyết các vướng mắc, khó khăn thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Công văn số 1951/UBND-KTNS ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của 2 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ) sau khi sáp nhập;

Công văn số 4053/UBND-KTNS ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng các quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại nhà, công trình xây dựng và giá bồi thường tài sản vật kiến trúc của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ) sau khi sáp nhập;



Công văn số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai về việc chuyển đổi sổ từ bản đồ địa chính các xã phường thuộc tỉnh Đồng Nai phục vụ công cho công tác sáp nhập theo Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15;

Công văn số 1271/UBND-KTNS ngày 21/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng bảng giá đất kể từ ngày 01/7/2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Công văn số 1346/SoNNMT-ĐĐ ngày 25/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật sau khi sáp nhập tỉnh;

Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 13/5/2025 của UBND thị xã Chơn Thành về kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước (Đối với phần diện tích đất chưa được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai ngày 18/01/2024);

Thông báo số 1996-TB/TU ngày 05/6/2025 của Thường trực Thị ủy tại phiên họp thứ 175 - Khóa XII, ngày 03/6/2025 về việc thống nhất thu hồi Kết luận số 143-KL/TU ngày 01/01/2023 của Thường trực thị ủy;

Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND thị xã Chơn Thành về việc phê duyệt mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex- Bình Phước;

Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND phường Chơn Thành về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ đối với dự án Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex-Bình Phước;

Công văn số 409/UBND-KTN ngày 26/8/2025 của UBND phường Chơn Thành về việc thống nhất sử dụng phương án giá đất đã được Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thị xã Chơn Thành (cũ) thẩm định trước ngày Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ có hiệu lực;

Trên cơ sở Công văn số 638/P.NNMT ngày 27/6/2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường thị xã Chơn Thành (cũ) về việc thông báo kết quả xác định giá đất cụ thể để làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước thuộc phường Hưng Long và phường Thành Tâm; Công văn số 472/TTPTQĐ.CNCT ngày 10/10/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất - Chi nhánh Chơn Thành về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước tại khu phố Đồng Tâm, khu phố Mỹ Hưng, khu phố Hòa Vinh 1, khu phố Hòa Vinh 2, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (đợt 8 - diện tích 301.862,0m²).

II. Số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án: 10 hộ gia đình, cá nhân gồm **18** thửa đất.

III. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc của đất thu hồi; số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại:

1. Vị trí: Dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước tại phường Chơn Thành.

2. Tổng diện tích đất: 301.862,0m² (đất nông nghiệp).

3. Địa điểm: khu phố Đồng Tâm, khu phố Mỹ Hưng, khu phố Hòa Vinh 1, khu phố Hòa Vinh 2, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai.

4. Loại đất: Đất trồng cây lâu năm.

5. Nguồn gốc đất: Đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và được UBND phường Thành Tâm (cũ) xét duyệt, xác nhận.

6. Số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại: Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành lập. Biên bản họp xét duyệt hồ sơ của các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi dự án Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước ngày 06/8/2020 và ngày 13/8/2020, ngày 21/01/2021, ngày 07/01/2022, ngày 28/10/2022 và ngày 31/10/2022, ngày 28/10/2022 và ngày 31/10/2022, ngày 23/3/2023, ngày 22/6/2023, ngày 26/10/2023 và biên bản xét duyệt bổ sung ngày 03/6/2024 của UBND phường Thành Tâm (cũ)

IV. Giá đất tính bồi thường, giá nhà, công trình tính bồi thường, số nhân khẩu, số lao động trong độ tuổi, số lượng người được hưởng trợ cấp xã hội; chính sách hỗ trợ:

1. Đơn giá bồi thường đất: Thực hiện theo điểm b khoản 14 Điều 1 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Công văn số 409/UBND-KTN ngày 26/8/2025 của UBND phường Chơn Thành về việc thống nhất sử dụng phương án giá đất đã được Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thị xã Chơn Thành (cũ) thẩm định trước ngày Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ có hiệu lực và Công văn số 453/P.TNMT ngày 13/5/2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường thị xã Chơn Thành (cũ) về việc thông báo kết quả xác định giá đất cụ thể để làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex- Bình Phước thuộc phường Minh Thành, đơn giá đất cụ thể:

TT	Hạng mục	Hệ số điều chỉnh (lần)	Giá đất (đồng/m ²)	
			Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 hoặc quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh	Cụ thể
PHƯỜNG THÀNH TÂM - KHU VỰC 1				
I	Giá đất trồng cây lâu năm			
1	Vị trí 2 - Phạm vi 1	1,2487	197.000	246.000
2	Vị trí 3 - Phạm vi 1 Xác định theo các tuyến đường còn lại (Trừ đường thảm nhựa khu phố Hoà Vinh 2 (Đường vào KMC)	1,0	179.000	179.000
3	Vị trí 4	1,0	152.000	152.000

2. Khu vực, vị trí, phạm vi, loại đường phố của thửa đất: Theo trích lục, trích đo bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành thực hiện và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp, gồm:

- Trích lục, trích đo bản đồ địa chính thửa đất, phiếu xác định thông tin đất đai và bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của từng thửa đất.

3. Đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và cây trồng trên đất: Thực hiện theo Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND phường Chơn Thành về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ đối với dự án Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex-Bình Phước và Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ) và Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ); khoản 3 Điều 11 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND thị xã Chơn Thành về việc phê duyệt mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex- Bình Phước: *“Phê duyệt mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp theo hình thức bằng tiền thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước bằng 0,3 lần đơn giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất hiện hành của UBND tỉnh đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương”*.

a) Hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại phường Chơn Thành: **03** hộ gia đình, cá nhân gồm **04** thửa đất, trong đó:

- Số hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: **03** hộ gia đình, cá nhân gồm **04** thửa đất (theo biên bản xét duyệt ngày 21/01/2021, ngày 06/8/2020 và 13/8/2020, ngày 07/01/2022 của UBND phường Thành Tâm (cũ)).

b) Hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú ngoài địa bàn phường Chơn Thành: **07** hộ gia đình, cá nhân gồm **14** thửa đất, trong đó:

- Số hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: **02** hộ gia đình, cá nhân - **02** thửa đất (Công văn số 444/CV ngày 26/09/2025 của Công an phường Phú Lợi Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 67/CAX-CV ngày 15/9/2025 của Công an

xã Bàu Bàng thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 1450/UBND-NC ngày 23/9/2025 của UBND xã Bàu Bàng thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 21/CV-BHXX ngày 10/10/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân Khai).

- Số hộ gia đình, cá nhân không hỗ trợ trực tiếp sản xuất nông nghiệp do không có văn bản xác nhận của địa phương nơi có hộ khẩu thường trú: **05** hộ gia đình, cá nhân gồm **12** thửa đất.

* **Số hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ: 05 hộ gia đình, cá nhân gồm 06 thửa đất.**

5. Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề: Thực hiện theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; khoản 2 Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ).

Tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND phường Chơn Thành quy định: “Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề cho trường hợp người trong độ tuổi lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nhu cầu nhận hỗ trợ bằng tiền là **5.000.000 đồng/người**”.

Số nhân khẩu được hưởng hỗ trợ: Không.

6. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước.

- Thực hiện theo Báo cáo số 335/BC-CTK ngày 27/6/2025 của Cục thống kê tỉnh Bình Phước về giá và chỉ số giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 06 năm 2025. Giá gạo tẻ thường trung bình tháng 6/2025 là: 23.508 đồng/kg (Nhân khẩu được hỗ trợ số tiền tương đương 30kg gạo/tháng theo giá gạo trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương).

Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 23.508 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 705.240 đồng/tháng.

Số nhân khẩu được hưởng hỗ trợ: Không.

7. Khen thưởng: Thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Số hộ gia đình, cá nhân được khen thưởng: Không.

V. Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác Bồi thường, hỗ trợ và lập hồ sơ dự án theo chính sách quy định của Nhà nước là 58.422.968.445 đồng, trong đó:

1. Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ phần diện tích không thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn qua dự án khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước là 58.421.871.264 đồng, cụ thể:

a) Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ: 56.996.947.575 đồng, trong đó:

- Bồi thường về đất: 47.912.973.300 đồng

- Bồi thường nhà, công trình phụ: 55.458.915 đồng
- Bồi thường cây trồng: 6.772.674.960 đồng
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 2.255.840.400 đồng

b) Chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ (2,5%): 1.424.923.689 đồng

2. Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ phần diện tích thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn qua dự án khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước là 1.097.181 đồng, cụ thể:

a) Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ: 1.070.420 đồng, trong đó:

- Bồi thường về đất: 823.400 đồng
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 247.020 đồng

b) Chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ (2,5%): 26.761 đồng

(Kèm theo Bảng tổng hợp các phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của từng người có đất thu hồi thuộc dự án Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước tại phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai - Đợt 8)

VI. Phương án bố trí tái định cư: Do trong đợt này không thu hồi đất ở nên không có bố trí tái định cư.

VII. Nguồn kinh phí thực hiện dự án: Kinh phí tại Mục V Phương án này do Chủ đầu tư ứng trước theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

VIII. Tiến độ thực hiện phương án: Dự kiến thời gian thực hiện giải phóng mặt bằng hết quý IV năm 2025./.

BẢNG TỔNG HỢP CÁC PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA TỪNG NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI THUỘC DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN CƯ BECAMEX - BÌNH PHƯỚC TẠI PHƯỜNG CHƠN THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI (ĐỢT 8)

(Kèm theo Quyết định số 1131 /QĐ-UBND ngày 11/10/2025 của UBND phường Chơn Thành)

STT	Số BB-GTBHT	Họ và tên	Địa chỉ chủ sử dụng	Địa chỉ thửa đất	CCCD hoặc CC	Thông tin thửa đất thu hồi						A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định								Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng)	Ghi chú	
						Theo GCNQSDĐ		Số tờ BĐ (Theo CV số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của VP ĐKĐĐ)	Diện tích đất thu hồi			Đất (đồng)	Nhà, công trình (đồng)	Cây trồng (đồng)	Vật nuôi (đồng)	Di chuyển (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ tuyến đường giao thông chính (đồng)	Khen thưởng (đồng)			
						Số thửa	Số tờ BĐ		Tổng đất thu hồi (m ²)	Đất ở thu hồi (m ²)	Đất NN thu hồi (m ²)											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	
1	Số: 74-TT/PACT-BCM	Ông Nguyễn Thành Tốt (Nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Phương Thảo theo hợp đồng số 015929, quyền số: 05/2021/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 28/5/2021, tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cập nhật Sổ địa chính vào ngày 28/11/2022, tại trang 91, quyển 02 phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Hòa Vinh 1	070079000091	15	61	247	21.384,6	0	21.384,6	3.250.459.200	55.458.915	453.816.000	0	0	0	0	0	0	3.759.734.115	Đã niêm yết Đợt 9 ngày 22/9/2025
2	Số: 75-TT/PACT-BCM	Hộ bà Hoàng Anh Thư	Khu phố Thủ Chánh, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	Khu phố Đồng Tâm	070181001991	2	30	216	19.764,2	0	19.764,2	3.004.158.400	0	505.933.280	0	0	901.247.520	0	0	0	4.411.339.200	Đã niêm yết Đợt 9 ngày 22/9/2025
3	Số: 76-TT/PACT-BCM	Bà Hoàng Anh Thư	Khu phố Thủ Chánh, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	Khu phố Đồng Tâm	070181001991	34	50	236	1.894,6	0	1.894,6	287.979.200	0	48.871.200	0	0	86.393.760	0	0	0	423.244.160	Đã niêm yết Đợt 9 ngày 22/9/2025
4	Số: 77-TT/PACT-BCM	Hộ ông Trần Minh Tuấn và bà Đinh Thị Yến	Khu phố Mỹ Hưng, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	Khu phố Mỹ Hưng	070082002022 037185007919	48	29	215	5.341,2	0	5.341,2	956.074.800	0	133.742.000	0	0	286.822.440	0	0	0	1.376.639.240	Đã niêm yết Đợt 9 ngày 22/9/2025
5	Số: 78-TT/PACT-BCM	Ông Lê Văn Thuận (Nhận chuyển nhượng từ hộ ông Hà Văn Nhanh theo hợp đồng số 010803, quyền số 06/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/6/2022 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cập nhật Sổ địa chính ngày 17/3/2023 tại Trang 128, Quyển 2 Becamex Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Xã Bàu Bàng, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Mỹ Hưng	074090004400	11	33	219	15.037,8	0	15.037,8	2.691.766.200	0	330.660.000	0	0	0	0	0	0	3.022.426.200	Đã niêm yết Đợt 9 ngày 22/9/2025
6	Số: 79-TT/PACT-BCM	Ông Lê Văn Thuận (Nhận chuyển nhượng từ bà Đinh Thị Nhung theo hợp đồng số 010510, quyền số: 06/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/6/2022 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cập nhật Sổ địa chính ngày 14/6/2022 tại Trang 102, Quyển 02 Becamex Thành Tâm, huyện Chơn Thành tỉnh Bình Phước)	Phường Thới Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Hòa Vinh 2	074090004400	24	70	256	10.378,6	0	10.378,6	2.553.135.600	0	268.416.000	0	0	0	0	0	0	2.821.551.600	Đã niêm yết Đợt 9 ngày 22/9/2025
7	Số: 82-TT/PACT-BCM	Ông Lê Văn Thuận (Nhận chuyển nhượng từ hộ bà Phùng Thị Thuý theo hợp đồng số 011567, quyền số: 06/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/6/2022 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cập nhật Sổ địa chính ngày 17/3/2023 tại Trang 128, Quyển 2 Becamex Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Xã Bàu Bàng, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Hoà Vinh 2	074090004400	7	63	249	55.353,0	0	55.353,0	8.413.656.000	0	1.102.464.000	0	0	0	0	0	0	9.516.120.000	Đã niêm yết Đợt 3 ngày 13/8/2025

STT	Số BB-GTBTHT	Họ và tên	Địa chỉ chủ sử dụng	Địa chỉ thửa đất	CCCD hoặc CC	Thông tin thửa đất thu hồi						A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định							Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng)	Ghi chú		
						Theo GCNQSDĐ		Số tờ BĐ (Theo CV số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của VP ĐKĐĐ)	Diện tích đất thu hồi			Đất (đồng)	Nhà, công trình (đồng)	Cây trồng (đồng)	Vật nuôi (đồng)	Di chuyển (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ tuyến đường giao thông chính (đồng)			Khen thưởng (đồng)	
						Số thửa	Số tờ BĐ		Tổng đất thu hồi (m ²)	Đất ở thu hồi (m ²)	Đất NN thu hồi (m ²)											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	
8	Số: 83-TT/PACT-BCM	Ông Nguyễn Thành Tốt (Nhận chuyển nhượng từ bà Dương Nữ Thanh Xuân theo hợp đồng số 015927, quyền số 05/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/5/2021 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cập nhật Sổ địa chính ngày 03/8/2022 tại Trang 91, Quyển 02 Becamex Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Hoà Vinh 1	70079000091	10	62	248	11.174,7	0	11.174,7	1.698.554.400	0	245.520.000	0	0	0	0	0	0	1.944.074.400	Đã niêm yết Đợt 3 ngày 13/8/2025
9	Số: 84-TT/PACT-BCM	Ông Nguyễn Thành Tốt (Nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Phương Thảo theo hợp đồng số 015928, quyền số 05/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/5/2021 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cập nhật Sổ địa chính ngày 03/8/2022 tại Trang 91, Quyển 02 Becamex Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Hoà Vinh 1	70079000091	9	62	248	17.732,4	0	17.732,4	2.695.324.800	0	322.000.000	0	0	0	0	0	0	3.017.324.800	Đã niêm yết Đợt 3 ngày 13/8/2025
10	Số: 85-TT/PACT-BCM	Ông Vũ Ngọc Quế (Nhận chuyển nhượng từ hộ ông Nguyễn Văn Kia và bà Đỗ Thị Nghĩa theo hợp đồng số 00005034, quyền số: 01/2022 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 13/4/2022 tại Văn phòng công chứng Gia Khang. Đã cập nhật Sổ địa chính ngày 10/5/2022 tại Trang 08, Quyển 02 Becamex Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Đồng Tâm	26087007046	19	45	231	16.055,9	0	16.055,9	2.440.496.800	0	415.206.000	0	0	0	0	0	0	2.855.702.800	Đã niêm yết Đợt 3 ngày 13/8/2025
11	Số: 86-TT/PACT-BCM	Bà Trần Thị Kim Liên (Nhận chuyển nhượng từ hộ ông Bùi Văn Ngọc và bà Lữ Thị Nở theo hợp đồng số 023850, quyền số: 11/2020/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 30/11/2020 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cập nhật Sổ địa chính ngày 26/01/2021 tại trang 43, quyển 2 Becamex Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Đồng Tâm	87178021331	7	40	226	14.241,3	0	14.241,3	2.164.677.600	0	292.988.000	0	0	649.403.280	0	0	0	3.107.068.880	Đã niêm yết Đợt 3 ngày 13/8/2025
12	Số: 87-TT/PACT-BCM	Bà Nguyễn Thị Thu Liễu (Nhận chuyển nhượng từ hộ bà Nguyễn Thuý Liên theo hợp đồng số 013529, quyền số 07/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/7/2022 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cập nhật Sổ địa chính ngày 08/02/2023 tại Trang 127, Quyển 2 Becamex Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Xã Bàu Bàng, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Mỹ Hưng	74186002945	10	33	219	5.363,9	0	5.363,9	960.138.100	0	138.868.000	0	0	288.041.430	0	0	0	1.387.047.530	Đã niêm yết Đợt 3 ngày 13/8/2025
13	Số: 88-TT/PACT-BCM	Bà Phạm Thị Minh Hải (Nhận chuyển nhượng từ hộ ông Lê Văn Hoàn và bà Nguyễn Thị Lan theo hợp đồng số 013814, quyền số: 08/2022/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 03/8/2022 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cập nhật Sổ địa chính ngày 05/9/2022 tại Trang 87, Quyển 02 Becamex Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Phường Chánh Phú Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Mỹ Hưng	74196002224	54	51	237	22.627,5	0	22.627,5	3.439.380.000	0	584.592.640	0	0	0	0	0	0	4.023.972.640	Đã niêm yết Đợt 3 ngày 13/8/2025
14	Số: 89-TT/PACT-BCM	Bà Phạm Thị Minh Hải (Nhận chuyển nhượng từ hộ ông Phạm Duy Nghi và bà Lương Thị Yến theo hợp đồng số 011160, quyền số: 06/2022/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 16/6/2022 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cập nhật Sổ địa chính ngày 12/9/2022 tại Trang 87, Quyển 02 Becamex Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Phường Chánh Phú Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Mỹ Hưng	74196002224	42	33	219	32.091,4	0	32.091,4	4.877.892.800	0	666.468.000	0	0	0	0	0	0	5.544.360.800	Đã niêm yết Đợt 3 ngày 13/8/2025

STT	Số BB-GTBTHT	Họ và tên	Địa chỉ chủ sử dụng	Địa chỉ thửa đất	CCCD hoặc CC	Thông tin thửa đất thu hồi						A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định							Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng)	Ghi chú	
						Theo GCNQSDĐ		Số tờ BĐ (Theo CV số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của VP ĐKĐĐ)	Diện tích đất thu hồi			Đất (đồng)	Nhà, công trình (đồng)	Cây trồng (đồng)	Vật nuôi (đồng)	Di chuyển (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ tuyến đường giao thông chính (đồng)			Khen thưởng (đồng)
						Số thửa	Số tờ BĐ		Tổng đất thu hồi (m ²)	Đất ở thu hồi (m ²)	Đất NN thu hồi (m ²)										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
15	Số: 90-TT/PACT-BCM	Bà Phạm Thị Minh Hải (Nhận chuyển nhượng từ hộ ông Trần Văn Hợi và bà Nguyễn Thị Hoa theo hợp đồng số 005841, quyền số: 04/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/4/2022 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cập nhật Sổ địa chính ngày 28/4/2022 tại Trang 87, Quyển 02 Becamex Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Phường Chánh Phú Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Mỹ Hưng	74196002224	28	29	215	12.515,3	0	12.515,3	2.240.238.700	0	262.944.000	0	0	0	0	0	2.503.182.700	Đã niêm yết Đợt 3 ngày 13/8/2025
16	Số: 91-TT/PACT-BCM	Ông Trần Công Thành	Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Mỹ Hưng	074071008667	38	15	203	12.518,7	0	12.518,7	1.902.842.400	0	391.201.600	0	0	0	0	0	2.294.044.000	Đã niêm yết Đợt 3 ngày 13/8/2025
17	Số: 92-TT/PACT-BCM	Bà Phạm Thị Minh Hải (Nhận chuyển nhượng từ hộ ông Võ Mạnh Hùng và bà Dương Thị Thanh Lan theo hợp đồng số 006616, quyền số: 04/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/4/2022 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cập nhật Sổ địa chính ngày 21/5/2022 tại Trang 87, Quyển 02 Becamex Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Phường Chánh Phú Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Mỹ Hưng	74196002224	25	32	218	27.564,2	0	27.564,2	4.189.758.400	0	587.148.000	0	0	0	0	0	4.776.906.400	Đã niêm yết Đợt 3 ngày 13/8/2025
18	Số: 80-TT/PACT-BCM	Hộ ông Bùi Văn Ngọc và bà Lữ Thị Nờ	Khu phố Đồng Tâm, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	Khu phố Đồng Tâm	070060000821 070164001260	15a	44	230	818,1	0	818,1	146.439.900	0	21.836.240	0	0	43.931.970	0	0	217.268.110	Đã niêm yết Đợt 7 ngày 12/9/2025
Tổng A						18			301.857,4	0,0	301.857,4	47.912.973.300	55.458.915	6.772.674.960	0	0	2.255.840.400	0	0	56.996.947.575	

B. Phương án bồi thường, hỗ trợ phần diện tích thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn qua dự án khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước

STT	Số BB-GTBTHT	Họ và tên	Địa chỉ chủ sử dụng	Địa chỉ thửa đất	CCCD hoặc CC	Thông tin thửa đất thu hồi						A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định							Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng)	Ghi chú	
						Theo GCNQSDĐ		Số tờ BĐ (Theo CV số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của VP ĐKĐĐ)	Diện tích đất thu hồi			Đất (đồng)	Nhà, công trình (đồng)	Cây trồng (đồng)	Vật nuôi (đồng)	Di chuyển (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ tuyến đường giao thông chính (đồng)			Khen thưởng (đồng)
						Số thửa	Số tờ BĐ		Tổng đất thu hồi (m ²)	Đất ở thu hồi (m ²)	Đất NN thu hồi (m ²)										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1	Số: 81-TT/PACT-BCM	Hộ ông Bùi Văn Ngọc và bà Lữ Thị Nờ	Khu phố Đồng Tâm, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	Khu phố Đồng Tâm	070060000821 070164001260	15b	44	230	4,6	0	4,6	823.400	0	0	0	0	247.020	0	0	1.070.420	Đã niêm yết Đợt 7 ngày 12/9/2025
Tổng B						1			4,6	0	4,6	823.400	0	0	0	0	247.020	0	0	1.070.420	
Tổng A+B						18			301.862,0	0,0	301.862,0	47.913.796.700	55.458.915	6.772.674.960	0	0	2.256.087.420	0	0	56.998.017.995	